

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai các Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành phố Đà Nẵng đến năm 2010

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 2003 của Bộ Chính trị về việc xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 56/2007/QĐ-TTg ngày 3 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Đà Nẵng tại Tờ trình số 43/TTr-STTTT ngày 28 tháng 8 năm 2008 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai các Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành phố Đà Nẵng đến năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai các Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- Bộ TT&TT (để b/c);
- VP: KTN, QLĐTư, KTTH;
- Lưu VT.





## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai các Chương trình phát triển  
công nghiệp công nghệ thông tin thành phố Đà Nẵng đến năm 2010**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **7396** /QĐ-UBND  
ngày **10** tháng 9 năm 2008 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

### **I. Căn cứ lập kế hoạch**

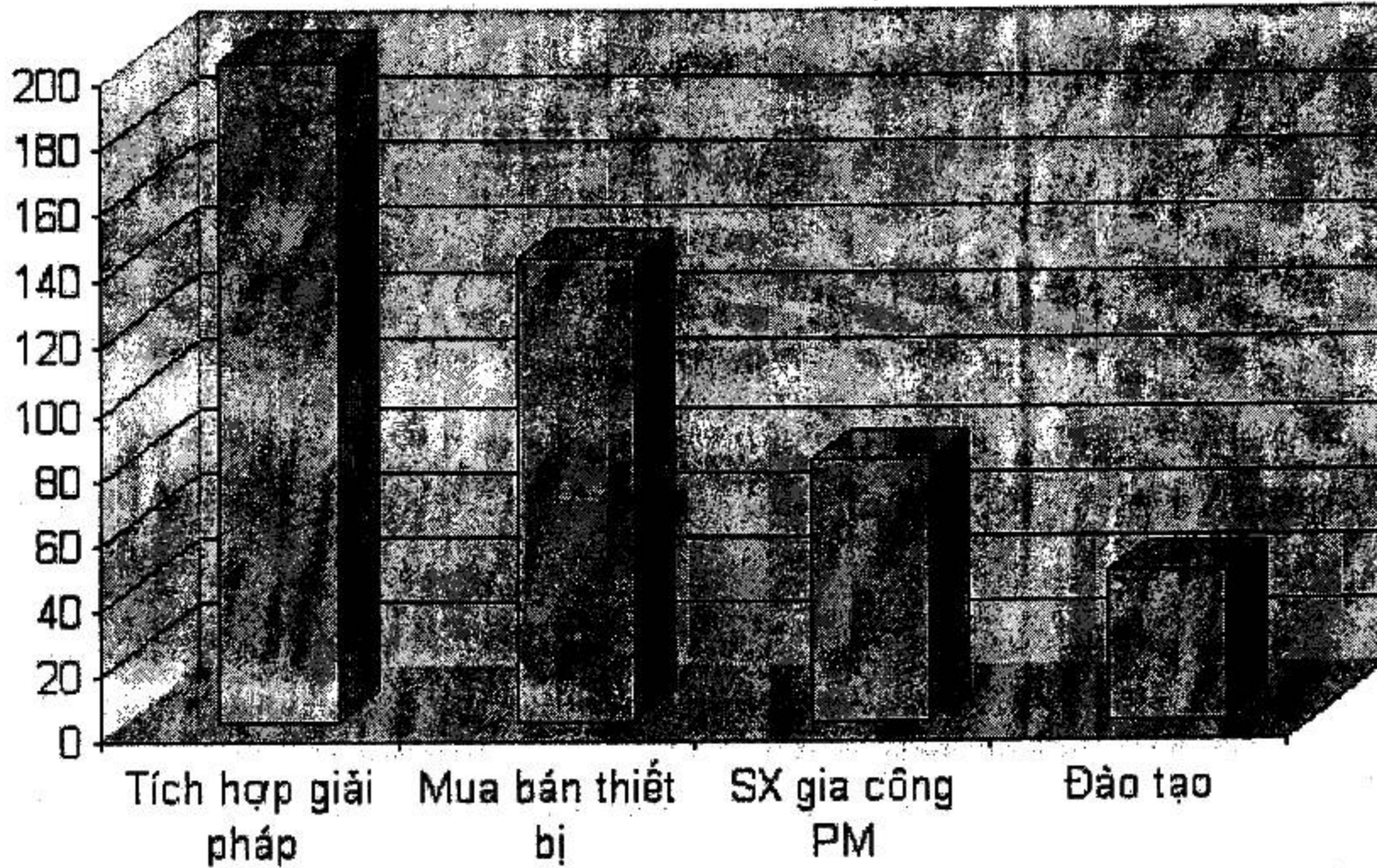
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16/10/2003 của Bộ Chính trị về việc xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;
- Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg ngày 12/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010;
- Quyết định số 56/2007/QĐ-TTg ngày 03/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam đến năm 2010;
- Quyết định số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;
- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/3/2003 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thành phố giai đoạn 2005 và 2010;
- Quyết định số 121/2004/QĐ-UBND ngày 15/7/2004 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Chương trình tập trung phát triển công nghiệp, ưu tiên đầu tư đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin, phấn đấu là một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa;
- Quyết định số 100/2006/QĐ-UBND, ngày 03/11/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển công nghệ thông tin thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010;
- Công văn 1845/BTTTT-CNTT ngày 10/6/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch triển khai các Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

### **II. Tình hình phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn**



## II.1. Hiện trạng phát triển công nghiệp CNTT tại thành phố Đà Nẵng

Tính đến ngày 31/12/2007, trên toàn thành phố có 320 doanh nghiệp, cơ quan, viện nghiên cứu, trường học hoạt động trong lĩnh vực CNTT với các lĩnh vực được mô tả theo theo Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1: Mô tả số lượng doanh nghiệp CNTT theo lĩnh vực

Doanh nghiệp CNTT Đà Nẵng đa dạng về loại hình, đa dịch vụ, có nguồn nhân lực phong phú nhưng nhỏ về quy mô, thị trường, phạm vi hoạt động còn hạn chế.

## II.2. Công nghiệp điện tử, phần cứng máy tính

Trên địa bàn thành phố hiện có khoảng 200 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp điện tử, phần cứng máy tính (CNĐT-PCMT), trong đó:

1. Gần 80% thực hiện các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy tính;
2. Khoảng 72% các đơn vị nhập thiết bị viễn thông, máy tính nguyên chiếc hoặc linh kiện về lắp ráp theo phương thức thủ công và thực hiện việc lưu thông, phân phối.
3. Khoảng 5% doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm điện tử, có 06 doanh nghiệp nước ngoài với vốn đầu tư là 125,1 triệu USD và 03 doanh nghiệp trong nước với vốn đầu tư là 17,7 tỷ đồng. Các doanh nghiệp này sản xuất các sản phẩm như: biến thế trung tần, bộ cảm ứng, bộ lọc điện, sản phẩm bán dẫn các loại, động cơ điện siêu nhỏ, các loại đĩa compact (CD, VCD, CD-ROM, DVD, DVD-ROM theo khuôn thức DVD-R), các loại tụ màng mỏng polyester,...

## II.3. Công nghiệp phần mềm

### II.3.1. Môi trường chính sách hỗ trợ công nghiệp phần mềm

Thực hiện Nghị quyết 07 của Chính phủ và Chỉ thị 58 của Bộ Chính trị, ngày 20/11/2000 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 128/2000/QĐ-TTg ban



hành chính sách ưu đãi và biện pháp khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp phần mềm. Theo Quyết định này, các doanh nghiệp phần mềm đã nhận được nhiều ưu đãi, đặc biệt là các chính sách về thuế.

Theo tinh thần Nghị định số 164/2004/NĐ-CP ngày 14/9/2004 và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 về thuế thu nhập doanh nghiệp, Chính phủ vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp phần mềm, xem công nghiệp phần mềm là ngành đặc biệt khuyến khích đầu tư. Các doanh nghiệp phần mềm mới thành lập được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh, được miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Bên cạnh các chính sách vĩ mô của Chính phủ, trong 5 năm qua nhiều chính sách ưu đãi thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT của Thành ủy và UBND thành phố đã được ban hành tác động mạnh mẽ đến sự phát triển CNTT nói chung và công nghiệp phần mềm nói riêng, điển hình như:

- Nghị quyết 07/2000 của Thành ủy về phát triển công nghệ phần mềm;
- Quyết định số 100/2006/QĐ-UBND ngày 03/11/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển công nghệ thông tin thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010;
- Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg ngày 12/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010;
- Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến năm 2020;
- Quyết định số 56/2007/QĐ-TTg ngày 03/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển nội dung số Việt Nam đến năm 2010;
- Quyết định số 13/2007/QĐ-BBCVT ngày 15/6/2007 của Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Nghị quyết 66/2008/NQ-HĐND ngày 03/07/2008 của HĐND thành phố Đà Nẵng, trong đó định hướng đến năm 2020 xây dựng và phát triển Công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong ba trung tâm Công nghệ hàng đầu của cả nước.

Việc Chính phủ và thành phố ban hành các chính sách ưu đãi như trên trong thời gian qua có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển công nghiệp CNTT thành phố Đà Nẵng. Riêng trong 2 năm trở lại đây, một số tập đoàn, công ty



phần mềm lớn trong nước và cả nước ngoài như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan,... đã đến tìm hiểu và đầu tư tại Đà Nẵng. Kết quả đến nay thành phố đã có một số công ty, tập đoàn phần mềm mở chi nhánh, văn phòng đại diện, cụ thể: FPT, Magrabit, Enclave, MileStone Inc, Tân Thiên niên kỷ,... và trong năm 2007, công ty FPT đã ký thỏa thuận xây dựng khu đô thị công nghệ FPT với diện tích 181 héc-ta và tổng kinh phí đầu tư lên đến gần 1 tỷ USD. Bên cạnh đó, một số công ty lớn như IBM, ORID, VTC cũng đang hoàn tất các thủ tục để đầu tư một số dự án CNTT tại Đà Nẵng.

### II.3.2. Tình hình thị trường

Cùng với sự phát triển của thị trường công nghiệp CNTT, mặc dù thị trường nội địa hiện tại khá khiêm tốn nhưng tiềm năng của thị trường phần mềm miền Trung và Tây nguyên tương đối lớn và sẽ tăng trưởng nhanh trong những năm tới do nhu cầu tin học hóa ngày càng tăng cao nhất là khi Chính phủ ban hành Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Một lý do khác dẫn đến dự báo khả quan cho thị trường này là xu thế bắt buộc ứng dụng CNTT trong các ngành dịch vụ đòi hỏi tính cạnh tranh cao như: viễn thông, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dầu khí,... và đây là các lĩnh vực mà Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị khẳng định “Đà Nẵng trở thành trung tâm dịch vụ Viễn thông, tài chính, giáo dục,... của khu vực miền Trung và Tây nguyên”. Hiện nay, phần mềm nội địa chủ yếu phục vụ nhu cầu riêng theo đơn đặt hàng của từng đơn vị, nhiều sản phẩm chưa đạt tới tiêu chuẩn phần mềm thương mại. Các doanh nghiệp phần mềm ở thành phố đang tập trung phát triển 4 lĩnh vực sản phẩm: Phần mềm quản lý; sản phẩm Game và nội dung số; phần mềm nhúng và giải pháp tin học hóa doanh nghiệp (ERP).

Về xuất khẩu: Tổng doanh thu thuần của công nghiệp CNTT đạt 770,3 tỷ đồng, trong đó: Sản xuất lắp ráp thiết bị điện tử: 26,9 tỷ đồng, gia công phần mềm đạt 51,6 tỷ đồng, đặc biệt với sự tăng trưởng của thị trường xuất khẩu từ năm 2006 đạt 1,5 triệu USD đến năm 2007 đạt gần 4,5 triệu USD. Như vậy có thể nói rằng công nghiệp CNTT nói chung và lĩnh vực phần mềm nói riêng mặc dù là địa phương mới bắt đầu thai nghén loại hình này vào cuối năm 2004, nhưng từ đó đến nay lĩnh vực này có mức tăng trưởng tương đối cao qua các năm, nhất là trong 2 năm gần đây. Tuy nhiên giá với tổng giá trị xuất khẩu hiện nay vẫn còn khiêm tốn so với tiềm năng, các Công ty phần mềm Đà Nẵng đang cố gắng để vươn tới các thị trường lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản.

Về thị trường: Các doanh nghiệp trước đây tập trung cho thị trường Bắc Mỹ và Tây Âu, tuy nhiên khi tham gia vào các thị trường này, gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp phần mềm của Ấn Độ (có ưu thế vượt trội về nguồn lực, trình độ tiếng Anh) cũng như các doanh nghiệp của Trung Quốc, Nga, Philipin và các nước khác. Hiện nay các doanh nghiệp phần mềm Việt Nam, trong đó có Đà Nẵng, có xu hướng quay sang tìm kiếm các thị trường gần gũi hơn ở Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc. Thị trường này đang nổi lên như một lựa chọn số một đối với nhiều doanh nghiệp phần mềm thành phố. Nhiều hoạt động hợp tác Việt - Nhật về phát triển công nghiệp CNTT diễn ra khá sôi



nổi trong vài năm trở lại đây, mở ra những cơ hội mới quan trọng mở đường cho thị trường gia công phần mềm Nhật Bản, Hàn Quốc phát triển trong những năm tới.

### II.3.3. Tình hình phát triển doanh nghiệp

Thị trường phần mềm Đà Nẵng có điểm xuất phát thấp, tuy nhiên quy mô và tốc độ phát triển tốt hơn so với công nghiệp phần cứng. Các doanh nghiệp phần mềm của thành phố đã phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Số đơn vị có đăng ký sản xuất và kinh doanh phần mềm ở Đà Nẵng hiện nay khoảng trên 200 đơn vị.

Trước năm 2001, Đà Nẵng không có doanh nghiệp phần mềm nào có nhân lực vượt quá 40 người, năm 2006 đã có 2 doanh nghiệp có nhân lực trên 250 người. Đặc biệt, Đà Nẵng đã bắt đầu nhận các đơn hàng gia công phần mềm cho Nhật Bản và Bắc Mỹ, với gần 1.000 lao động tham gia vào các thị trường này. Nền công nghiệp CNTT còn non trẻ của thành phố bắt đầu được hình thành. Khoảng 50% số công ty phần mềm hiện nay vừa mới được thành lập trong khoảng 3 năm trở lại đây. Điều này chứng tỏ sản xuất, kinh doanh phần mềm đang có chiều hướng phát triển tốt, chính sách và các giải pháp của Chính phủ, thành phố về phát triển lĩnh vực phần mềm CNTT đã phát huy hiệu lực, có 2 doanh nghiệp là FPT và Softech đạt chứng chỉ quốc tế cao nhất về quản lý chất lượng phần mềm CMMI và các doanh nghiệp khác đạt các chứng chỉ ISO.

Các công ty phần mềm hàng đầu ở Đà Nẵng hiện nay có thể kể đến như: Công ty CP phần mềm FPT, Công ty phần mềm Enclave, Công ty CP Công nghệ phần mềm Đà Nẵng, Công ty phần mềm 3T,... Các công ty này có vai trò lớn trong việc phát triển phần mềm và ứng dụng tin học, chiếm tới 70-80% phần mềm ứng dụng chuyên nghiệp trong ngành. Ngoài ra, các đơn vị này còn thực hiện tư vấn về CNTT, xử lý thông tin nội bộ. Bên cạnh đó một số Công ty hướng đến thị trường nước ngoài bằng các đơn hàng gia công cho các thị trường Nhật, Đức, Mỹ (tập trung chủ yếu là Nhật Bản). Doanh số gia công xuất khẩu phần mềm sang Nhật đang tăng nhanh trên 100%/năm, hiệu quả lao động trong gia công xuất khẩu phần mềm cho Nhật khá cao. Tuy nhiên, thành phố đang thiếu hụt nghiêm trọng về nhân lực để sản xuất gia công phần mềm cho Nhật.

### II.3.4. Tình hình phát triển nguồn nhân lực CNTT

Hiện nay thành phố có trên 3.000 người làm trong lĩnh vực CNTT, trong đó lực lượng làm phần mềm chiếm khoảng 30% nguồn nhân lực CNTT. Nguồn nhân lực CNTT của thành phố về cơ cấu được mô tả theo bảng 1 (theo số liệu tổng hợp của Sở Thông tin và Truyền thông tháng 3/2008).

Stt	Chi tiêu (nhóm độ tuổi)	Tổng số người	Phân nhóm theo lĩnh vực được đào tạo (*)					Phân nhóm theo trình độ được đào tạo (**)			Tỷ lệ % lao động là nam
			CNTT (Phần cứng)	CNTT (Phần mềm)	Điện tử, viễn thông	Kinh tế, tài chính	Chuyên ngành khác	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	
1.1	Từ 30 trở xuống	2.437	876	879	309	267	106	9	1.346	1.082	70%

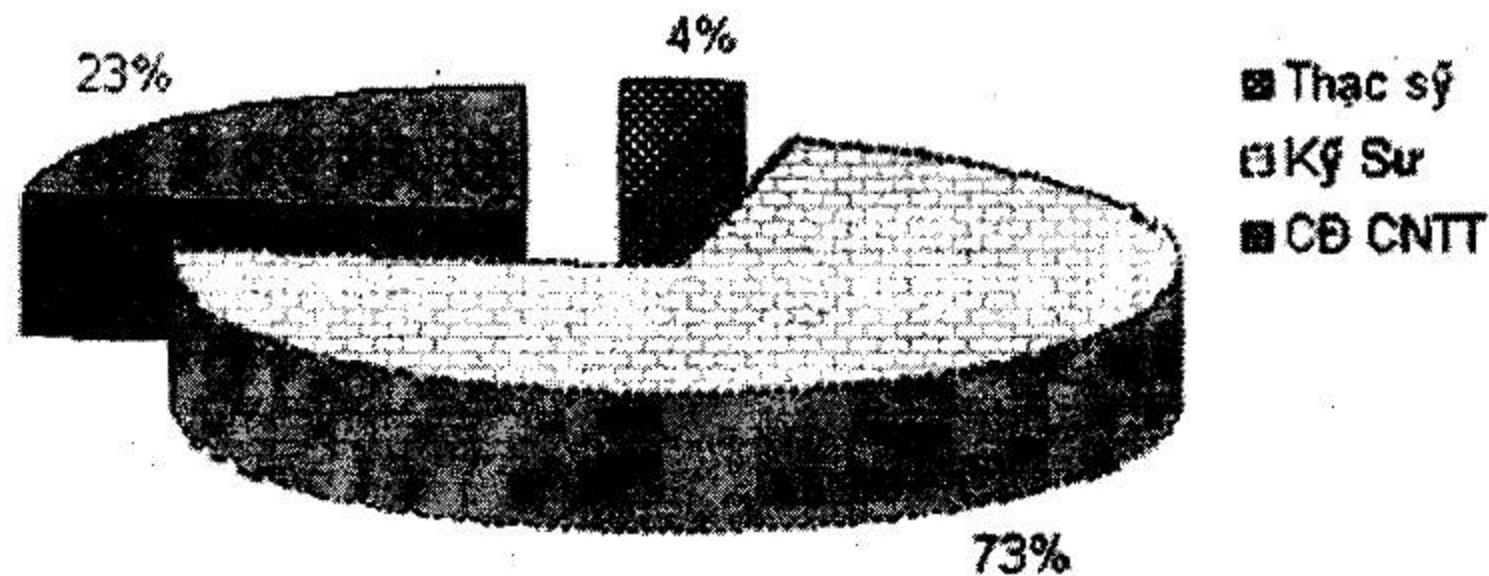


1.2	Trên 30 đến 50	548	300	88	79	39	42	113	148	287	80%
1.3	Trên 50 tuổi	140	20	66	22	16	16	22	51	67	84%
1.4	<b>Cộng</b>	<b>3.125</b>	<b>1.196</b>	<b>1.033</b>	<b>410</b>	<b>322</b>	<b>164</b>	<b>144</b>	<b>1.545</b>	<b>1.436</b>	

*Bảng 1: Cơ cấu nhân lực CNTT của thành phố*

- Về đào tạo sau Đại học: hiện nay chỉ có Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế tham gia đào tạo Thạc sỹ (chưa có đào tạo Tiến sỹ), với chỉ tiêu hằng năm tăng khoảng 20,7%, năm 2006 tuyển sinh gần 87 học viên và đến năm 2007 tăng lên khoảng 112 học viên.

- Về đào tạo Chính quy: Trong những năm gần đây, lực lượng phát triển và ứng dụng phần mềm được tăng cường chủ yếu là sinh viên tốt nghiệp từ các khoa CNTT thuộc các trường cao đẳng, đại học khu vực Miền trung, tại Đại học Đà Nẵng hằng năm đón nhận gần 70% tại khu vực Đà Nẵng, lượng sinh viên chính quy tốt nghiệp chủ yếu từ các đơn vị thành viên của Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế như: Đại học Bách khoa, Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Đại Học Sư phạm Huế, Đại học Khoa học Tự nhiên và các trường Đại học dân lập như: Duy Tân, Phú Xuân,... trên địa bàn miền Trung, cần phải nhìn nhận cơ cấu đào tạo từ năm 2000–2005 tại các bậc chưa phù hợp, số lượng kỹ sư, cử nhân chiếm tỷ lệ quá lớn, hệ cao đẳng có tỷ lệ thấp chiếm 23% (Hình 2).



*Hình 2: Cơ cấu đào tạo*

Từ năm 2006, với sự thành lập của Trường Cao đẳng CNTT Việt Hàn, và các Trường Cao đẳng dân lập đa ngành khác đã làm thay đổi cơ cấu đào tạo của lĩnh vực CNTT, và ngày càng tiệm cận với nhu cầu của thị trường, chẳng hạn: Năm 2007, hệ Cao đẳng tuyển 1.670 sinh viên, hệ Đại tuyển 685 sinh viên. Bên cạnh đó trong năm 2008, Đại học CNTT FPT bắt đầu tuyển sinh tại khu vực miền Trung với khung chương trình đào tạo chuẩn quốc tế với các yêu cầu như: Tiếng Anh, nội dung đào tạo với chuyên ngành hẹp: Đa phương tiện, Cơ sở dữ liệu, Quản trị hệ thống thông tin, thương mại điện tử,... điều này làm tăng khả năng định hướng kỹ năng cho sinh viên khi ra trường, góp phần làm giảm vấn đề đào tạo lại, rút ngắn khoảng cách giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo.

- Về đào tạo phi chính quy: Có trên 30 trung tâm và 19 trường có hình thức đào tạo CNTT phi chính qui mỗi năm cho ra trường hơn 4.000 kỹ thuật viên CNTT với các lĩnh vực như: Tin học, điện tử, kỹ thuật viên phần cứng, thiết kế xây dựng (CAD/CAM),... trong đó có hơn 300 lập trình viên và kỹ thuật viên quốc tế, đáp ứng bước đầu nhu cầu ứng dụng CNTT của thành phố.



Tuy nhiên, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp CNTT cho thành phố còn bộc lộ những vấn đề tồn tại:

1. Chương trình đào tạo còn nhiều bất cập, thiếu cập nhật, mất cân đối; phần lớn đội ngũ giáo viên thiếu kinh nghiệm thực tế, chỉ tập trung chủ yếu vào giảng dạy mà ít tham gia công tác nghiên cứu; cơ sở phòng thí nghiệm, thiết bị thực hành còn sơ sài; phần lớn các sinh viên tốt nghiệp đều thiếu hoặc yếu những kỹ năng cần thiết của người làm phần mềm, nhất là các kỹ năng thực tế, trình độ ngoại ngữ. Thực trạng này dẫn đến một nghịch lý là số kỹ sư tin học ra trường nhiều nhưng các doanh nghiệp phần mềm vẫn thiếu nhân lực trầm trọng, tạo nên khoảng cách lớn giữa nội dung đào tạo và yêu cầu của doanh nghiệp;

2. Do tốc độ tăng trưởng của công nghiệp CNTT, nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp hiện nay rất lớn và cấp bách, vượt quá khả năng đáp ứng của các đơn vị đào tạo cùng với yêu cầu đạt mức chất lượng;

3. Các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo CNTT như dạy và học CNTT bằng tiếng Anh, cải cách chương trình đào tạo, nâng cao kiến thức thực tế chưa được triển khai dứt khoát và mạnh mẽ;

4. Nhà nước chưa quan tâm thích đáng đến việc phát triển nguồn nhân lực CNTT sau đào tạo. Các chương trình đào tạo CNTT cho kỹ sư, kỹ thuật viên các ngành khác chưa thực sự hiệu quả. Đào tạo vừa học vừa làm (training-on-job) ở những môi trường phát triển có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra các kỹ năng cao cấp nhưng lại chưa được chú trọng phát triển;

5. Thiếu cơ quan chuyên trách của Nhà nước về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT. Do vậy hoạt động phát triển nguồn nhân lực CNTT hiện nay chưa được phối kết hợp một cách nhịp nhàng giữa các cơ quan chức năng liên quan, chưa huy động được một cách hiệu quả nhất tất cả các nguồn lực xã hội tham gia phát triển nhân lực CNTT, chưa đơn vị nào đảm đương phần phát triển các kỹ năng, đào tạo chuyên gia bậc cao cho ngành công nghiệp này.

### **III. Cơ hội phát triển công nghiệp CNTT của thành phố Đà Nẵng**

#### **III.1. Vị trí địa lý**

Đà Nẵng nằm ở trung độ của đất nước, nối với vùng Tây Nguyên qua Quốc lộ 14B và là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar đến các nước Đông Bắc Á thông qua hành lang kinh tế Đông - Tây. Bên cạnh đó có các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A, đường sắt liên vận quốc tế Trung Quốc - ASEAN đi qua, cảng biển lớn nhất miền Trung (lớn thứ tư cả nước) và sân bay quốc tế, tạo ưu thế về vị trí địa lý kinh tế của Đà Nẵng trong tổng thể kinh tế của cả nước, là thành phố hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

#### **III.2. Quyết tâm của Đảng và Chính quyền địa phương**

Trong quá trình đẩy mạnh phát triển, ứng dụng CNTT và xây dựng “Chính quyền điện tử”, Đà Nẵng xác định phát triển công nghiệp CNTT là nền tảng. Nghị quyết 07/NQ-TV ngày 03/10/2000 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà



Năng, xác định công nghiệp CNTT là một hướng ưu tiên phát triển trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Tiếp tục chỉ đạo ngày 12/03/2003 Nghị quyết 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đến năm 2010 và hàng loạt các quyết sách của UBND thành phố tập trung đầu tư cho các nguồn lực cần thiết để hình thành và phát triển công nghiệp CNTT, đánh dấu bằng việc đầu tư xây dựng Trung tâm Công nghệ phần mềm Đà Nẵng (Softech), đào tạo nhân lực CNTT và việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố. Gần đây nhất là việc đầu tư xây dựng Khu Công viên phần mềm Đà Nẵng với cơ sở ban đầu là tòa nhà Software Park Tower số 02 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tiếp theo sẽ đầu tư mở rộng Khu công viên phần mềm với diện tích 30-50 hécta tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

### III.3. Môi trường pháp lý

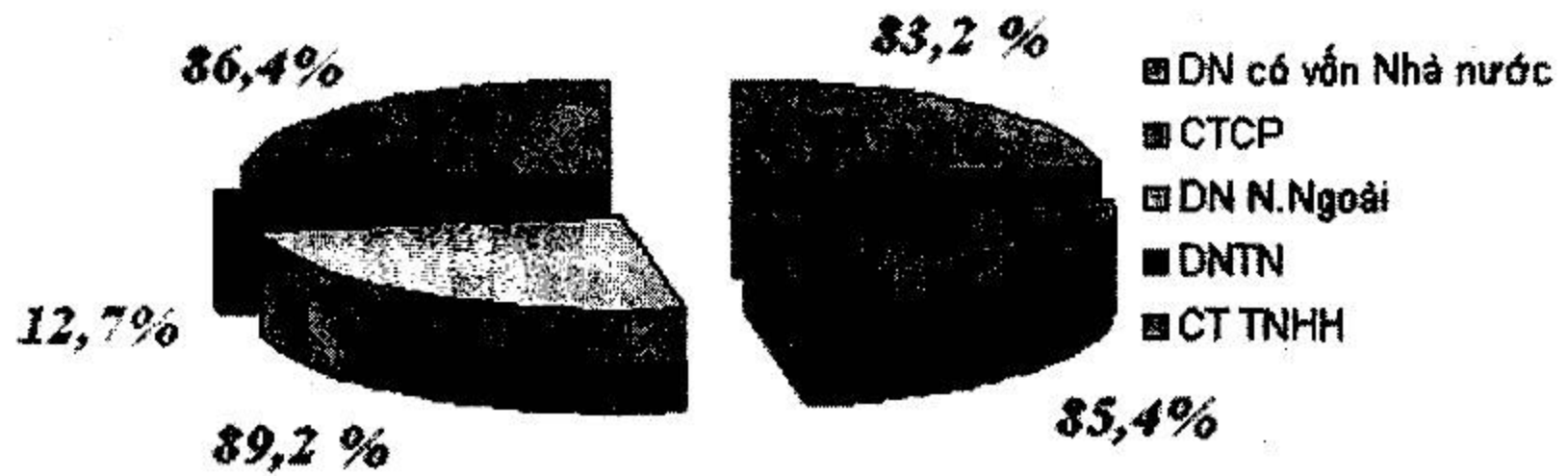
Chi thị 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mở đầu cho sự ra đời các chính sách của Chính phủ về phát triển công nghiệp phần mềm từ năm 2000 đến 2004, tác động tích cực đến tình hình phát triển công nghiệp CNTT ở Đà Nẵng.

### III.4. Cơ sở hạ tầng

Hạ tầng CNTT-TT của Đà Nẵng không ngừng được đầu tư phát triển là yếu tố quan trọng bảo đảm cho công nghiệp CNTT phát triển, tạo nên mức độ sẵn sàng kết nối của thành phố với trong nước và quốc tế, mở ra khả năng giao lưu và hội nhập cao trong việc hợp tác và huy động nguồn nhân lực cho công nghiệp CNTT. Tính đến tháng 6 năm 2008, Đà Nẵng có:

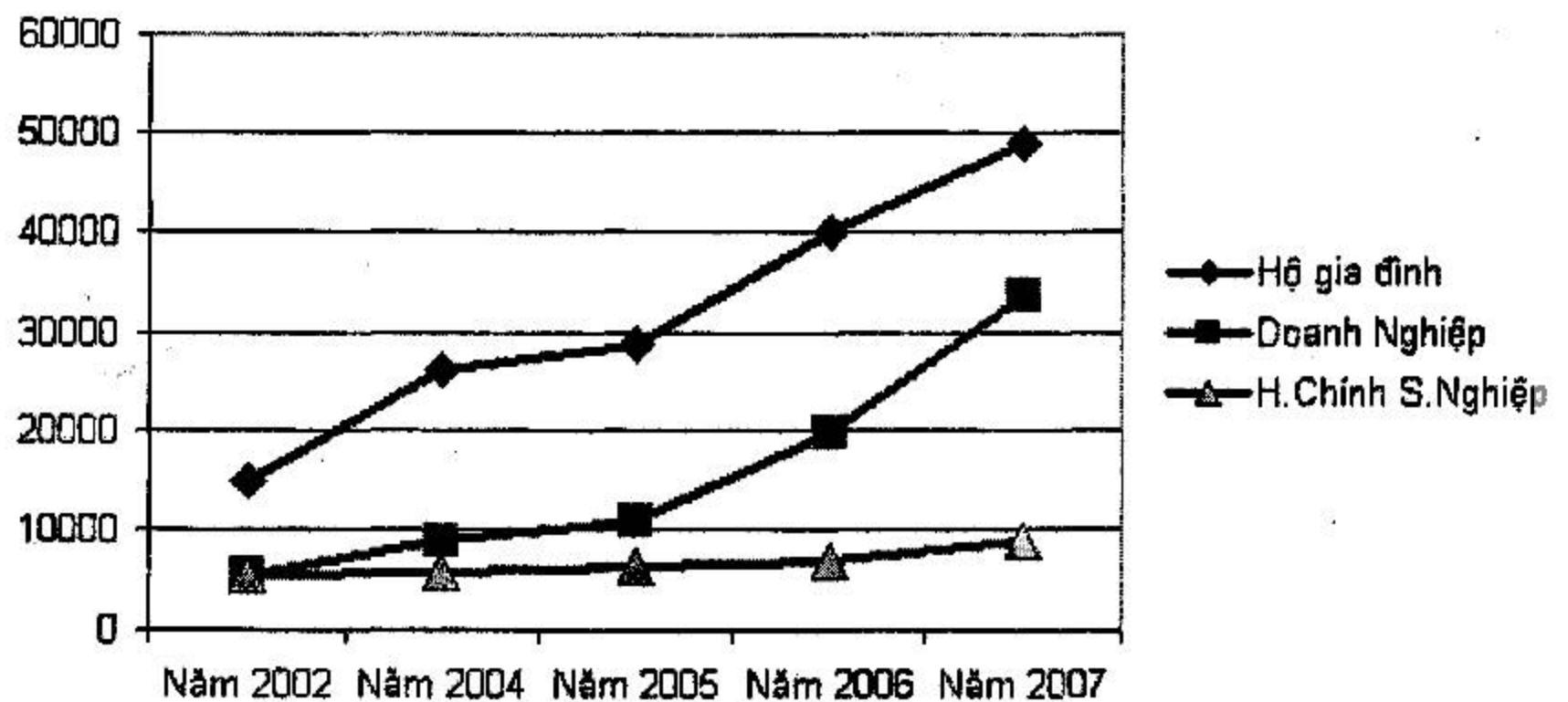
- Mật độ điện thoại: 236 máy/100 dân. Trong đó:
  - + Thuê bao di động: 211 máy/100 dân
  - + Thuê bao cố định: 25,7 máy/100 dân
- Mật độ thuê bao Internet: 33 thuê bao/100 dân. Trong đó sử dụng băng rộng là 28,5 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ máy tính trong cán bộ công chức: 86 máy/100 người (1970 công chức/1687 máy tính).
- Người dân và doanh nghiệp nhận thức rõ về hiệu quả của việc ứng dụng CNTT nên số máy tính trong cộng đồng tăng nhanh (hình 4); tỷ lệ kết nối của các doanh nghiệp có bước phát triển rất mạnh đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (hình 4) phản ánh sự phát triển của kết nối ADSL của các doanh nghiệp theo hình thức sở hữu.





Hình 3: Mô tả tỷ lệ kết nối ADSL theo loại hình doanh nghiệp

Hạ tầng CNTT-TT của các đơn vị hành chính nhà nước được đầu tư đáng kể, trên 30 mạng LAN và kết nối Internet sử dụng đường truyền tốc độ cao ADSL. Hệ thống mạng trực thành phố kết nối giữa Trung tâm Tích hợp dữ liệu với các cơ quan sử dụng bằng cáp quang đã được triển khai kết nối tại 16 đơn vị. Đề án 47 Thành ủy Đà Nẵng đã được triển khai tích cực, đúng tiến độ, các mục tiêu cơ bản của Đề án đều đạt được vào cuối năm 2005. Theo đó, hạ tầng CNTT trong các cơ quan Đảng đã được đầu tư một cách đồng bộ, đã hình thành và đưa vào sử dụng một cách phổ biến các mạng LAN, kết nối trong mạng WAN của Thành ủy. Đến nay, 90% cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ các đơn vị trực thuộc Thành ủy có máy tính để sử dụng trong công việc hàng ngày; gần 100% cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ các đơn vị được đào tạo, huấn luyện để ứng dụng tin học theo các nội dung phù hợp.



Hình 4: Số lượng máy tính của doanh nghiệp, cơ quan hành chính, người dân

### III.5. Thị trường

Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường CNTT trong những năm qua, đặc biệt là đẩy mạnh ứng dụng CNTT các cơ quan Đảng, Nhà nước và doanh nghiệp trong nhiều năm qua, đã kích cầu các sản phẩm CNTT, làm cho thị trường phát triển nhanh chóng và đã tác động nhiều đến sự phát triển của ngành công nghiệp CNTT còn non trẻ của thành phố.

### III.6. Nguồn nhân lực

- Đà Nẵng là thành phố lớn nhất miền Trung, là trung tâm đào tạo có 35 trường đại học, cao đẳng, trung cấp cung cấp hằng năm cho ra trường gần 1.000



sinh viên, trong đó Đại học Đà Nẵng với 5 trường thành viên là hạt nhân cho công tác đào tạo nguồn nhân lực CNTT cho thành phố;

- Là vùng đất có truyền thống hiếu học, lao động cần cù, có tinh thần kỷ luật cao; là đô thị lớn nên có khả năng thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao của khu vực Miền trung và Tây nguyên.

- Là địa phương có ngành CNTT tương đối phát triển trong hơn 5 năm qua, đặc biệt đã hình thành ngành công nghiệp phần mềm; thị trường CNTT có tốc độ tăng trưởng nhanh, tạo môi trường thuận lợi phát triển nguồn nhân lực CNTT nói chung và công nghiệp phần mềm nói riêng.

#### **IV. Các khó khăn, tồn tại cần khắc phục và kiến nghị, đề xuất**

##### **IV.1. Nguồn nhân lực**

Việc thiếu hụt về nhân lực cho ngành công nghiệp CNTT nói chung vẫn thường xuyên diễn ra. Sinh viên, kỹ thuật viên ra trường vẫn còn rất yếu về kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng mềm cần thiết khác. Đội ngũ chuyên viên CNTT, thiết kế sản phẩm điện tử có trình độ cao vẫn còn rất mỏng; thiếu cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO) và cán bộ quản lý trong lĩnh vực công nghiệp CNTT.

##### **IV.2. Cơ sở hạ tầng CNTT-TT**

Hạ tầng CNTT-TT tuy có được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp CNTT. Đặc biệt, chi phí thuê đường truyền và cước kết nối Internet còn khá cao đối với cơ quan, doanh nghiệp và người dân. Thực tế này đã làm chậm việc xây dựng mạng trục cho thành phố và gây khó khăn cho sự trao đổi thông tin giữa các, sở, ban, ngành, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến trình tin học hóa trên tất cả các lĩnh vực của thành phố.

##### **IV.3. Thị trường công nghiệp CNTT**

Thị trường CNTT nói chung của thành phố vẫn còn yếu; sức mua của xã hội chưa cao; nhu cầu về các sản phẩm phần mềm có bản quyền chưa nhiều; tình trạng vi phạm bản quyền phần mềm còn diễn ra phổ biến; chưa quan tâm đầy đủ đến công tác xúc tiến đầu tư và thương mại cho ngành công nghiệp CNTT.

##### **IV.4. Cơ chế chính sách phát triển công nghiệp CNTT**

Cơ chế chính sách phát triển công nghiệp CNTT chậm được ban hành và thiếu tính đồng bộ. Cho đến nay, Nhà nước vẫn chưa ban hành đầy đủ hệ thống văn bản pháp luật về quản lý chuyên ngành CNTT nói chung và công nghiệp phần mềm nói riêng, đặc biệt là quản lý các dự án CNTT, thực tế này đã gây những ảnh hưởng không tốt đến tiến trình phát triển công nghiệp CNTT của cả nước.

Cơ chế phối hợp giữa cơ quan xúc tiến đầu tư với cơ quan quản lý chuyên ngành chưa chặt chẽ, nhân lực làm việc trong lĩnh vực này còn rất mỏng và chưa được trang bị các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực công nghiệp CNTT.



## V. Mục tiêu phát triển

Phấn đấu đến năm 2010 xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những địa phương dẫn đầu về ứng dụng và phát triển CNTT và là trung tâm phát triển về công nghệ phần mềm của miền Trung với các mục tiêu cơ bản sau:

1. Xây dựng và phát triển công nghiệp CNTT trở thành ngành kinh tế quan trọng, có tốc độ tăng trưởng bình quân từ 30-35%/năm, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng GDP của thành phố, trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm, chú trọng thu hút đầu tư vào công nghiệp phần cứng, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI);

2. Có hạ tầng CNTT, viễn thông và Internet đồng bộ, phát triển; có tỷ lệ người sử dụng Internet đạt mức tương đương với các thành phố lớn trong nước;

3. Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của thành phố;

4. CNTT được ứng dụng rộng rãi, mang lại hiệu quả thiết thực trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, là yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, phục vụ quản lý hành chính nhà nước và hoạt động của các cơ quan Đảng;

5. Thực hiện việc bảo hộ bản quyền phần mềm theo lộ trình cam kết, tạo điều kiện cho việc phát triển công nghiệp phần mềm, phấn đấu đến năm 2010, giảm tỷ lệ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực phần mềm xuống bằng mức trung bình trong khu vực;

6. Phát triển thị trường nội địa đối với các sản phẩm phần mềm có thể mạnh, góp phần đáp ứng được một phần nhu cầu phần mềm của thị trường trong nước; Xây dựng và phát triển thị trường gia công phần mềm cho nước ngoài, với mức tăng trưởng trung bình đạt khoảng 30-35% /năm; tập trung xây dựng thị trường xuất khẩu với thị trường chủ đạo là Nhật Bản và các thị trường tiềm năng khác như Hoa Kỳ, Bắc Âu. Phấn đấu tổng doanh thu công nghiệp phần mềm đạt giá trị 50 triệu USD/năm vào năm 2010, giá trị xuất khẩu đạt khoảng 65%. Đến năm 2010, công nghiệp phần cứng tạo ra giá trị sản xuất chiếm 3-4% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2006-2010 đạt trên 35%/năm;

7. Phát triển đội ngũ lập trình viên, kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật có tay nghề và kỹ năng cao, đến năm 2010, tổng số kỹ sư, cử nhân CNTT, kỹ sư điện tử, viễn thông, lập trình viên, công nhân kỹ thuật được đào tạo đạt 3.000-5.000 người/năm. Xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến đảm bảo 20-30% sinh viên tốt nghiệp các khoa CNTT trọng điểm có đủ năng lực chuyên môn và ngoại ngữ tham gia thị trường lao động quốc tế;

8. Xây dựng được 4-5 doanh nghiệp phần mềm mạnh có quy mô nhân lực trên 300 người, có quy trình quản lý sản xuất phần mềm chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế;

9. Hoàn thành quy hoạch chi tiết Khu Công viên phần mềm tập trung có



diện tích khoảng 50ha tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

## **VI. Nội dung kế hoạch**

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, thành phố tập trung thực hiện các công việc sau đây:

### **VI.1. Quy hoạch, xây dựng và phát triển các khu công nghiệp CNTT**

1. Đầu tư mở rộng, phát triển các khu công nghiệp CNTT tập trung, khu công nghiệp phần mềm hiện có tại địa phương; hoàn thiện cơ sở hạ tầng và tổ chức khai thác có hiệu quả các tòa nhà thuộc Khu Công viên phần mềm Đà Nẵng.

2. Nghiên cứu xây dựng quy hoạch tổng thể (đất đai và hạ tầng viễn thông - Internet), dành quỹ đất hình thành các khu công nghiệp CNTT tập trung ở địa phương; khảo sát và xây dựng đề án tổng thể Khu Công viên phần mềm tập trung có diện tích khoảng 50 hécta tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trình UBND thành phố phê duyệt.

3. Đẩy mạnh tiến độ dự án xây dựng Khu đô thị công nghệ cao FPT, tạo điều kiện để dự án sớm triển khai theo đúng mục tiêu, đảm bảo tính đồng bộ về cơ sở hạ tầng, nâng cao lợi thế cạnh tranh, thu hút đầu tư nước ngoài nhất là trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm.

### **VI.2. Triển khai các chương trình nhánh phát triển Doanh nghiệp công nghiệp CNTT**

1. Hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT xây dựng và áp dụng các hệ thống chất lượng như CMMI, ISO và các chuẩn, quy trình khác về sản xuất phần mềm và nội dung thông tin số;

2. Phối hợp với các tổ chức nghề nghiệp như: Hội tin học Đà Nẵng, Hội tin học Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp phần mềm Việt Nam,... tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại như triển lãm, hội thảo, hội nghị về CNTT trong và ngoài nước; tổ chức tham quan khảo sát thị trường, tìm kiếm đối tác, phát triển thị trường xuất khẩu.

3. Xây dựng Vườn ươm doanh nghiệp phần mềm nhằm ươm tạo các doanh nghiệp CNTT cho tương lai, thực hiện chính sách nuôi dưỡng hỗ trợ các doanh nghiệp có sản phẩm tiềm năng, hỗ trợ chuyên giao công nghệ, kỹ thuật, quy trình sản xuất...

4. Tổ chức đoàn các doanh nghiệp CNTT của thành phố tham quan các mô hình thành công tại Ấn Độ, Hàn Quốc Trung Quốc, giới thiệu các chính sách của thành phố để thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực CNTT.

5. Thành lập Quỹ đào tạo và phát triển nhân lực CNTT. Trong đó, 50% là ngân sách nhà nước và 50% do các doanh nghiệp đóng góp nhằm cung cấp các khoá đào tạo ngắn hạn về các kỹ năng nâng cao và chuyên sâu theo yêu cầu cho các doanh nghiệp CNTT.

### **VI.3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước**



1. Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước về CNTT ở thành phố. Ngoài cơ quan chuyên môn quản lý về CNTT cấp thành phố, các ngành, quận, huyện có bộ phận chuyên trách về CNTT và quy định chức danh cán bộ CNTT (CIO); triển khai mạnh mẽ việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước thành phố.

2. Ban hành hệ thống văn bản pháp quy để quản lý thống nhất hoạt động CNTT trên địa bàn thành phố.

3. Tổ chức giám sát và thực thi Luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động CNTT.

4. Tiếp tục thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng báo cáo đánh giá hằng năm về hoạt động công nghiệp CNTT trên địa bàn thành phố.

5. Đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT tại địa phương; tổ chức các khóa đào tạo CIO nhằm trang bị cho các cán bộ CNTT những kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý các dự án CNTT ngày càng hiệu quả hơn.

6. Xúc tiến thương mại và phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm CNTT; tiếp tục xây dựng các chính sách ưu tiên phát triển CNTT nói chung và công nghiệp phần mềm nói riêng phù hợp với đặc thù của thành phố; đặc biệt là chính sách ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực CNTT-TT; chính sách đẩy mạnh xúc tiến thương mại và đầu tư cho CNTT nhằm thu hút đầu tư FDI và mở rộng thị trường quốc tế cho Đà Nẵng;

7. Hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, tìm hiểu thị trường và tiếp thị quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường cho các doanh nghiệp, trong đó ngân sách thành phố hỗ trợ 50%, 50% còn lại sẽ do doanh nghiệp đóng góp.

8. Đề xuất và lập các dự án cơ hội thuộc lĩnh vực công nghiệp CNTT phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài vào Đà Nẵng;

9. Thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học quốc tế về CNTT liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố; xây dựng các chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố tham gia vào công tác đào tạo nguồn nhân lực CNTT, cho phép thành lập các cơ sở đào tạo phi chính quy về CNTT, với 100% vốn nước ngoài.

## **VII. Giải pháp**

### **VII.1. Giải pháp về tài chính**

Đa dạng hóa nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch triển khai các chương trình phát triển công nghiệp CNTT thành phố Đà Nẵng giai đoạn đến 2010:

- Ngân sách của trung ương hỗ trợ cho các hoạt động phát triển công nghiệp CNTT.

- Nguồn kinh phí đầu tư công nghệ thông tin của địa phương.

- Nguồn kinh phí đầu tư vào lĩnh vực CNTT của doanh nghiệp.



- Nguồn vốn ODA, vốn hỗ trợ không hoàn lại từ các tổ chức phi chính phủ, và các tổ chức khác.

## **VII.2. Giải pháp về nguồn nhân lực**

1. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT của địa phương; chú trọng việc đào tạo và thu hút chuyên gia CNTT có chất lượng cao, đặc biệt là đào tạo cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO).

2. Xây dựng chính sách khuyến khích sự hợp tác giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp về việc thực hiện các chương trình đào tạo theo yêu cầu thực tế của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường CNTT.

3. Xây dựng chính sách hợp tác với các chuyên gia CNTT là Việt kiều, từng bước thu hút và khai thác có hiệu quả nguồn chất xám quý giá này trong sự nghiệp phát triển công nghiệp CNTT của thành phố.

## **VII.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện**

1. Tăng cường sự phối hợp của các sở, ban, ngành trong việc thực hiện các chương trình, dự án về CNTT trên cơ sở tạo ra sự đồng thuận cao về vai trò đặc biệt quan trọng của công nghiệp CNTT trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

2. Nâng cao năng lực hoạt động của các Ban QLDA CNTT về mọi mặt, đặc biệt là về quản lý kỹ thuật và tài chính để bảo đảm thực hiện thành công các dự án.

## **VIII. Tổ chức thực hiện**

### **VIII.1. Sở Thông tin và Truyền thông Đà Nẵng**

- Xây dựng và trình UBND thành phố kế hoạch triển khai các chương trình phát triển công nghiệp CNTT thành phố Đà Nẵng giai đoạn đến 2010;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các quận, huyện, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các hội nghề nghiệp,... xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển công nghiệp CNTT; lập kế hoạch đào tạo kỹ năng chuyên sâu cho cán bộ, công chức, viên chức của thành phố;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT trên địa bàn thành phố;

- Phối hợp với Sở Tài chính quản lý các nguồn vốn ngân sách cho công nghiệp CNTT và phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý về đơn giá, các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng thiết bị, công trình, sản phẩm CNTT; tổng hợp tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí các chương trình, dự án CNTT.

- Điều chỉnh, rà soát kế hoạch theo từng năm sao cho phù hợp với định hướng ở tầm vĩ mô của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Về kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ: Giao Sở Thông tin và Truyền thông làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành chức năng



để tổng hợp, bố trí và cấp kinh phí từ ngân sách Trung ương (năm 2009 là 367,6 tỷ đồng và năm 2010 là 240,9 tỷ đồng).

- Về kinh phí thực hiện từ ngân sách địa phương: Giao Sở Thông tin và Truyền thông làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để cân đối, bố trí kinh phí triển khai thực hiện các chương trình.

### **VIII.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng**

- Đảm bảo nguồn kinh phí chi cho đầu tư phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn;

- Xây dựng các chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển công nghiệp CNTT.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và kế hoạch định kỳ hằng năm của thành phố cho các dự án, chương trình trọng điểm.

### **VIII.3. Sở Tài chính Đà Nẵng**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông xác định tỷ lệ ngân sách hằng năm chi cho công nghiệp CNTT và đảm bảo kinh phí đầu tư cho các dự án phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn thành phố theo Luật CNTT và theo Quy hoạch, kế hoạch hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tham mưu giúp UBND thành phố quyết định các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài cho ứng dụng phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn.

### **VIII.4. Các Sở, Ban, ngành, Mặt trận, Đoàn thể, UBND các quận, huyện**

- Chỉ đạo cán bộ, công chức và viên chức trong việc ứng dụng CNTT-TT vào công tác quản lý hành chính và các ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công việc;

- Tích cực tham gia vào các đề án, dự án phát triển công nghiệp CNTT khi có yêu cầu;

- Chủ trì thực hiện các dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, phối hợp với các cấp, ngành của thành phố để thực hiện các chương trình, dự án phát triển công nghiệp CNTT có liên quan, đảm bảo đầu tư và thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất, theo đúng nội dung, tiến độ, đạt kết quả và hiệu quả cao.

### **VIII.5. Các doanh nghiệp**

- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT trên địa bàn thành phố cần chủ động và tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan để triển khai kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT.



- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT cần căn cứ vào các chính sách của nhà nước, chủ trương của thành phố để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố;

- Các doanh nghiệp chủ động đề xuất nghiên cứu phát triển các sản phẩm trọng điểm như: Ưu tiên chuyển giao công nghệ tiên tiến của nước ngoài để áp dụng sản xuất các trò chơi điện tử của Việt Nam; đầu tư nghiên cứu sản xuất một số trò chơi trực tuyến, trò chơi trên điện thoại di động; phát triển một số sản phẩm giải trí trên mạng, các trò chơi trên Internet.

- Các tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp cần tích cực đóng góp các ý kiến thông qua các diễn đàn về Chính phủ điện tử, cải cách hành chính góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển công nghiệp CNTT nói riêng.

## IX. Danh mục các dự án, đề án trọng điểm

### IX.1. Danh mục các dự án, đề án trọng điểm

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Năm	Tổng giá trị	Nguồn vốn			
				2009		2010	
				ĐP	TƯ	ĐP	TƯ
1	Quy hoạch chi tiết khu Công nghiệp công nghệ thông tin tập trung	2009	2.000	500	1.500		
2	Đầu tư mở rộng, đẩy mạnh phát triển khu Công nghiệp phần mềm hiện có	2009-2010	100.000	8.500	58.000	2.000	31.000
2.1	<i>Đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng cho khu Công nghiệp phần mềm.</i> + Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, điện nước; + Xây dựng các khu chức năng.		81.000	3.000	45.000	2.000	31.000
2.2	<i>Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT và thông tin: Hệ thống, trang thiết bị, đường kết nối viên thông, truyền thông.</i>		19.000	5.500	13.500		
3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu Công nghiệp công nghệ thông tin tập trung: + Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, điện nước; + Xây dựng các khu chức năng.	2009-2010	569.000	45.000	300.000	20.000	204.000



4	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các chuẩn CMM, CMMI, ISO và các chuẩn, quy trình tương đương khác về sản xuất phần mềm và nội dung thông tin số, bao gồm: + Hỗ trợ về tư vấn xây dựng và áp dụng chuẩn; + Hỗ trợ về đánh giá, cấp chứng chỉ; + Hỗ trợ về các vấn đề liên quan khác.	2009-2010	5.000	500	2.000	500	2.000
5	Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao về kỹ năng, trình độ quản lý và kỹ thuật, công nghệ, kiến thức pháp luật trong lĩnh vực CNTT, đặc biệt về phần mềm và nội dung thông tin số cho các cán bộ trong các cơ quan, tổ chức nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp CNTT.	2009-2010	5.000	500	2.000	500	2.000
6	Xây dựng và triển khai các chương trình xuất khẩu lao động CNTT bao gồm: + Phát triển thị trường, tìm kiếm đối tác nhận lao động CNTT; + Tuyển chọn, bồi dưỡng các kỹ năng chuẩn bị cho quá trình làm việc tại môi trường nước ngoài; + Tổ chức đưa lao động CNTT ra nước ngoài làm việc.	2009-2010	1.000	200	300	300	200
7	Tổ chức Vườn ươm doanh nghiệp, nuôi dưỡng phát triển các ý tưởng sáng tạo, các sản phẩm mới thành các sản phẩm thương mại	2009-2010	4.000	500	2.000	500	1.000
8	Xây dựng Trung tâm phát triển thị trường và tư vấn phần mềm và nội dung thông tin số.	2009-2010	2.000	300	1.000	200	500
9	Triển khai thực hiện các chương trình truyền thông, biên soạn các tài liệu giới thiệu, quảng bá về: + Sự phát triển của công	2009-2010	1.000	200	300	300	200



nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số; + Giới thiệu sản phẩm và doanh nghiệp phần mềm và nội dung số; + Tình hình và cách thức tiếp cận, mở rộng thị trường, đối tác quốc tế cho các tổ chức, doanh nghiệp.						
<b>Tổng cộng:</b>	<b>689.000</b>	<b>56.200</b>	<b>367.600</b>	<b>24.300</b>	<b>240.900</b>	

## IX.2. Căn cứ lập khái toán

- Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình (Công bố kèm theo văn bản số 1751/BXD-VP ngày 14/08/2007 của Bộ Xây dựng).
- Thông tư số 33/2007/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 09 tháng 4 năm 2007 về hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
- Thông tư số 109/2000/TT-BTC của Bộ Tài chính về lệ phí thẩm định
- Quyết định số 10/2005/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về lệ phí Tư vấn thẩm định

Trên đây là Kế hoạch triển khai các Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành phố Đà Nẵng đến năm 2010./.


  
**HỦ TỊCH**  
  
**Trần Văn Minh**